| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HOÀ BÌNH**<br>**TỈNH BẠC LIÊU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-05-2023

V/v Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Thị Mỹ Xuyên

*Các hội thẩm nhân dân:*

1/- Ông Võ Tấn Phước

2/- Ông Lê Việt Phương

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Văn Dư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Trung Kiên- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 05 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXX-ST ngày 17 tháng 04 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(*Chị B có đơn xin vắng mặt, anh D vắng mặt tại phiên tòa*).

# NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị B trình bày:* Chị và anh Nguyễn Hoàng D xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Quá trình chung sống chị và anh D có (một) con chung tên: Nguyễn Tấn P, sinh ngày 30/9/2011. Hiện cháu P đang sống cùng với chị B.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị và anh D là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cải nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị B và anh D đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thể hàn gắn được do không còn tình cảm với nhau và hiện tại, chị B không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với anh D.

Nay, chị Nguyễn Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị B được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng D; Về con chung: Yêu cầu nuôi con chung là cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 30/9/2011, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị B không còn có yêu cầu gì khác.

Đối với anh Nguyễn Hoàng D không có lời trình bày tại Toà án, đồng thời, anh D không cung cấp cho Toà án tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị B theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của thủ tục tố tụng dân sự cho anh D, nhưng anh D không đến Tòa án. Vì vậy, theo quy định của pháp luật nếu bị đơn không cung cấp, tài liệu, chứng cứ cũng như ý kiến của mình thì Toà án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

**Ý kiến của Viện kiểm sát:**

* Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề xuất: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị B.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 30/9/2011 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Hoàng D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị B không yêu cầu. Anh Nguyễn Hoàng D được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị B phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Hoàng D, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Hoàng D có địa chỉ tại ấp P, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, chị Nguyễn Thị B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Hoàng D vắng mặt. Toà án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu đã tiến hành tống đạt hợp lệ các quyết định tố tụng dân sự cho anh D để tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án theo yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị B và anh D theo quy định, nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị B và anh D.

[2] Về hôn nhân: Chị B và anh D xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/05/2010. Vì thế, hôn nhân giữa chị B và anh D là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị B xác định: Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị và anh D là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cải nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Từ khi sống ly thân với nhau, chị B và anh D đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thể hàn gắn được, nên chị B yêu cầu được ly hôn với anh D.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân muốn tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện; vợ chồng phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị B và anh D không biết tôn trọng nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc mà thường xuyên cự cãi nhau, dẫn đến hiện tại chị B và anh D đã phát sinh những mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Đối với anh D thì quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng nhiều lần tiến hành triệu tập hợp lệ anh D đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử, nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do. Trong suốt quá trình xét xử vụ án, chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh D, không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị B và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B đối với anh Nguyễn Hoàng D.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị B và anh D có 01 (một) con chung tên: Nguyễn Tấn P, sinh ngày 30/9/2011. Hiện cháu P đang

sống cùng với chị B, chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu P.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

" *2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.*

Xét thấy, tại thời điểm giải quyết, cháu P đã đủ 07 tuổi trở lên, nên cần phải xem xét nguyện vọng của cháu để giao các cháu cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản tự khai của cháu P (BL 31), cháu P có nguyện vọng được sống cùng với chị B. Mặt khác, hiện nay cháu P cũng đang sống ổn định cùng với chị B. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của cháu P, đồng thời, đảm bảo sự phát triển bình thường và không làm xáo trộn môi trường sống của cháu ảnh hưởng đến sự phát triển về tâm sinh lý của cháu P, nên cần tiếp tục giao cháu P cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**[**4] Về cấp dưỡng: Chị B không yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị B xác định chị B và anh D không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, chị B phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1/- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị B đối với anh Nguyễn Hoàng D, xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Hoàng D.

2/- Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 30/9/2011 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Hoàng D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị B không yêu cầu.

Anh Nguyễn Hoàng D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/- Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0011354 ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Bình được chuyển thu.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Mỹ Xuyên**

**Nơi nhận:**
*- TAND tỉnh Bạc Liêu;*
*- VKSND huyện Hòa Bình;*
*- THADS huyện Hòa Bình;*
*- UBND xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu hồ sơ;*